|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH****ĐỀ CHÍNH THỨC**(Đề có 04 trang) | **KIỂM TRA CUỐI KỲ 1** **NĂM HỌC 2022-2023****Bài kiểm tra môn: Địa lí - Khối 12** **Ban: Khoa học tự nhiên****Thời gian làm bài: 45 phút****MÃ ĐỀ: 502** |

|  |
| --- |
| Họ, tên học sinh:………………………………………………………………. |
| Lớp: …………………………. Số báo danh………………………………….. |

**Câu 1.** Địa hình núi cao tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

 **A.** Trường Sơn Nam. **B.** Trường Sơn Bắc. **C.** Tây Bắc. **D.** Đông Bắc.

**Câu 2.** Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

 **A.** có các cao nguyên ba dan, xếp tầng.

 **B.** có 3 mạch núi hướng tây bắc - đông nam.

 **C.** có các khối núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

 **D.** núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung.

**Câu 3.** Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với gió

 **A.** Tín phong bán cầu Nam. **B.** phơn Tây Nam.

 **C.** Tây ôn đới. **D.** Tín phong bán cầu Bắc.

**Câu 4.** Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở vùng

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Bắc. **C.** Tây Nguyên. **D.** Tây Bắc.

**Câu 5.** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay là do

 **A.** môi trường nước ô nhiễm. **B.** khai thác rừng lấy gỗ, củi.

 **C.** biến đổi khí hậu toàn cầu. **D.** mở rộng đất nông nghiệp.

**Câu 6.** Gió mùa đông bắc hoạt động vào thời gian nào sau đây?

 **A.** Thu - đông. **B.** Tháng 11 đến tháng 4.

 **C.** Mùa đông. **D.** Tháng 5 đến tháng 10.

**Câu 7.** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng

 **A.** ôn đới gió mùa. **B.** nhiệt đới gió mùa.

 **C.** xa van và cây bụi. **D.** cận nhiệt đới.

**Câu 8.** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi

 **A.** địa hình nước ta nhiều đồi núi. **B.** địa hình nước ta thấp dần ra biển.

 **C.** vị trí trong vùng nội chí tuyến. **D.** hoạt động của gió phơn Tây Nam.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

 **A.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.

 **B.** Có một mùa khô sâu sắc kéo dài.

 **C.** Trong năm có một mùa đông lạnh.

 **D.** Thời tiết thường diễn biến phức tạp.

**Câu 10.** Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

 **A.** địa hình nhiều đồi núi. **B.** sự phân mùa khí hậu.

 **C.** nhiệt độ trung bình cao. **D.** độ ẩm không khí lớn.

**Câu 11.** Vùng núi nào sau đây nằm giữa sông Hồng và sông Cả?

 **A.** Đông Bắc. **B.** Trường Sơn Bắc. **C.** Trường Sơn Nam. **D.** Tây Bắc.

**Câu 12.** Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc là

 **A.** trên 200C. **B.** 22 0C. **C.** 24 0C. **D.** 200C.

**Câu 13.** Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

 **A.** chế độ mưa mùa. **B.** sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.

 **C.** hoạt động của bão. **D.** hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 14.** Triển khai Luật bảo vệ và phát triển rừng, nhà nước đã tiến hành biện pháp nào?

 **A.** bảo vệ rừng sản xuất. **B.** xây dựng vườn quốc gia.

 **C.** giao đất, giao rừng cho dân. **D.** trồng thêm rừng.

**Câu 15.** Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

 **A.** được bồi đắp phù sa thường xuyên. **B.** có nhiều ô trũng ngập nước.

 **C.** không được bồi đắp thường xuyên. **D.** có bậc ruộng cao bạc màu.

**Câu 16.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

 **A.** trồng rừng chưa hiệu quả. **B.** cháy rừng.

 **C.** chiến tranh. **D.** khai thác quá mức.

**Câu 17.** Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?

 **A.** Tính chất cận xích đạo. **B.** Khô hạn quanh năm.

 **C.** Nóng, ẩm quanh năm. **D.** Tính chất ôn hòa.

**Câu 18.** Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước, nhất là ở vùng cửa sông, ven biển là

 **A.** mưa a-xít. **B.** hải sản giảm sút.

 **C.** cạn kiệt dòng chảy. **D.** biến đổi khí hậu.

**Câu 19.** Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây?

 **A.** Á- Âu và Đại Tây Dương. **B.** Á-Âu và Bắc Băng Dương.

 **C.** Á-Âu và Thái Bình Dương. **D.** Á-Âu và Ấn Độ Dương.

**Câu 20.** Vùng thường xảy ra lũ quét là

 **A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.

 **C.** vùng núi phía Bắc. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 21.** Khu vực có mưa nhiều nhất vào thời kì đầu mùa hạ ở nước ta là

 **A.** Bắc Trung Bộ và Tây Bắc. **B.** Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

 **C.** Tây Nguyên và Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng và Tây Bắc.

**Câu 22.** Thời gian khô hạn kéo dài nhất ở các tỉnh nào sau đây?

 **A.** Ninh Thuận và Bình Thuận. **B.** Sơn La và Nghệ An.

 **C.** Sơn La và Lai Châu. **D.** Quảng Bình và Quảng Trị.

**Câu 23.** Than nâu tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 24.** Đất feralit ở nước ta có màu đỏ vàng chủ yếu do

 **A.** tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm. **B.** quá trình phong hóa mạnh mẽ.

 **C.** quá trình tích tụ mùn mạnh. **D.** rửa trôi các chất badơ dễ tan.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có khí tự nhiên?

 **A.** Rạng Đông. **B.** Tiền Hải. **C.** Bạch Hổ. **D.** Kiên Lương.

**Câu 26.** Cho bảng số liệu

**Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta (Đơn vị: %).**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm tuổi** | **2009** | **2015** | **2017** |
| Từ 0 - 14 tuổi | 24,5 | 24,0 | 23,7 |
| Từ 15 - 59 tuổi | 66,8 | 64,7 | 63,6 |
| Từ 60 tuổi trở lên | 8,7 | 11,3 | 12,7 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi ở nước ta giai đoạn 2009 – 2017?

 **A.** Tỉ trọng nhóm tuổi từ 15 đến 59 tuổi giảm.

 **B.** Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi đang biến đổi nhanh theo hướng già hoá.

 **C.** Tỉ trọng nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên tăng

 **D.** Tỉ trọng nhóm tuổi từ 0 đến 14 tuổi tăng.

**Câu 27.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết Vườn quốc gia Hoàng Liên nằm ở phân khu địa lí động vật nào sau đây?

 **A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Bắc. **C.** Trung Trung Bộ. **D.** Tây Bắc.

**Câu 28.** Cho bảng số liệu sau

**Dân số cả nước và số dân thành thị của nước ta giai đoạn 2009 – 2020**

(Đơn vị: Triệu người)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2009** | **2013** | **2015** | **2017** | **2020** |
| Dân số cả nước | 85,8 | 89,7 | 93,7 | 94,6 | 97,3 |
| Số dân thành thị | 25,4 | 28,9 | 31,0 | 32,8 | 36,7 |

Để thể hiện dân số cả nước và số dân thành thị của Việt Nam thời kỳ 2009 – 2020, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Biểu đồ miền. **B.** Biểu đồ đường. **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ cột.

**Câu 29.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với thời gian mùa mưa ở nước ta?

 **A.** Miền Bắc mưa nhiều vào mùa hạ. **B.** Miền Nam mưa nhiều vào mùa hạ.

 **C.** Tây Nguyên mưa nhiều vào thu đông. **D.** Miền Trung mưa nhiều vào thu đông.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 11 và trang 17, cho biết đất mặn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 6 – 7, cho biết dãy núi nào sau đây không có hướng vòng cung?

 **A.** Tam Điệp. **B.** Bắc Sơn. **C.** Ngân Sơn. **D.** Sông Gâm.

**Câu 32.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, một số địa hình ven biển xếp theo thứ tự từ Bắc vào Nam như sau?

 **A.** bán đảo Sơn Trà, hòn Tre, mũi Đại Lãnh, vịnh Xuân Đài.

 **B.** bán đảo Sơn Trà, vịnh Xuân Đài, mũi Đại Lãnh, hòn Tre.

 **C.** bán đảo Sơn Trà, vịnh Xuân Đài, hòn Tre, mũi Đại Lãnh.

 **D.** bán đảo Sơn Trà, mũi Đại Lãnh, vịnh Xuân Đài, hòn Tre.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích có mật độ dân số từ 1001 người/km2 trở lên tập trung ở vùng

 **A.** Tây Nguyên **B.** Đồng bằng sông Cửu Long

 **C.** Đồng bằng sông Hồng **D.** Bắc Trung Bộ

**Câu 34.** Cho bảng số liệu

**Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế giai đoạn 2000 – 2018 (Đơn vị: %).**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực kinh tế** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** | **2018** |
| KV I (Nông – lâm – thủy sản) | 57.3 | 61.9 | 49.5 | 44.0 | 37.7 |
| KV II (Công nghiệp – xây dựng) | 18.2 | 15.4 | 21.0 | 22.8 | 26.7 |
| KV III (Dịch vụ) | 24.5 | 22.7 | 29.5 | 33.2 | 35.6 |

Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2000 – 2018, biểu đồ nào là thích hợp nhất?

 **A.** Biểu đồ miền. **B.** Biểu đồ đường **C.** Biểu đồ tròn. **D.** Biểu đồ cột.

**Câu 35.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết bán đảo Sơn Trà thuộc tỉnh (thành phố) nào sau đây?

 **A.** Quảng Nam. **B.** Khánh Hoà. **C.** Đà Nẵng. **D.** Bình Định.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về chế độ nhiệt và mưa của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

 **A.** Biên độ nhiệt độ năm ở TP. Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội.

 **B.** Lượng mưa cao nhất ở TP. Hồ Chí Minh là vào tháng VIII.

 **C.** Nhiệt độ trung bình ở Hà Nội thấp hơn ở TP. Hồ Chí Minh.

 **D.** Thời gian có lượng mưa cao nhất ở Hà Nội là tháng IX.

**Câu 37.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Phú Quốc. **B.** Dung Quất. **C.** Vân Phong. **D.** Nhơn Hội.

**Câu 38.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

 **A.** Không có nhiều dạng địa hình khác nhau.

 **B.** Địa hình không có sự phân hóa đa dạng.

 **C.** Chủ yếu là các núi cao, thung lũng hẹp.

 **D.** Hướng của các dãy núi chủ yếu là vòng cung.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, các đô thị có quy mô dân số (2007) trên 1 triệu người ở nước ta là

 **A.** Hà Nội, Hải Phòng. **B.** Hà Nội, Biên Hòa.

 **C.** Hà Nội, Đà Nẵng. **D.** Hà Nội, Vũng Tàu.

**Câu 40.** Cho bảng số liệu

**Diện tích rừng của Việt Nam qua các năm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng diện tích có rừng** *(triệu ha)* | **Diện tích rừng tự nhiên** *(triệu ha)* | **Diện tích rừng trồng** *(triệu ha)* | **Độ che phủ rừng** *(%)* |
| 2005 | 12,7 | 10,2 | 2,5 | 38,0 |
| 2010 | 13,4 | 10,3 | 3,1 | 39,5 |
| 2015 | 14,1 | 10,2 | 3,9 | 40,8 |
| 2018 | 14,5 | 10,3 | 4,2 | 41,7 |

Nhận xét nào sau đây đúng về diện tích rừng của Việt Nam qua các năm?

 **A.** Diện tích rừng trồng có sự biến động.

 **B.** Tổng diện tích rừng tăng nhưng chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

 **C.** Độ che phủ rừng ngày càng giảm.

 **D.** Tổng diện tích rừng và diện tích rừng tự nhiên tăng liên tục.

-------------------Hết------------------

*Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam – NXB Giáo dục; giám thị không giải thích gì thêm.*